

Số:

Đồng Nai, ngày [ng] tháng [th] năm 2025

V/v xây dựng dự toán NSNN
năm 2026 khối xã

Kính gửi: UBND các xã, phường

Thực hiện Công văn số 4288/UBND-KTNS ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh về hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Để có cơ sở tổng hợp trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán năm 2026 cho các địa phương, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị rà soát, tổng hợp số liệu, dự toán năm 2026 theo dự thảo Nghị quyết, gửi kết quả và các hồ sơ xây dựng dự toán về Sở Tài chính trước ngày 07/10/2025, cụ thể:

1. Quỹ tiền lương sự nghiệp giáo dục; Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, trong đó: Báo cáo số biên chế được giao; số biên chế có mặt, số biên chế chưa tuyển dụng, kết quả chi tiền lương tháng 8 và nhu cầu năm 2026.

Hồ sơ: Phụ lục 01, bảng lương tháng 8 của các đơn vị dự toán

2. Kinh phí khoán chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp giáo dục; Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể;

- Kinh phí khoán chi hoạt động thường xuyên: Xây dựng theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hiện có và chưa tuyển):

+ Đối với cán bộ, công chức: 80 triệu đồng/biên chế được giao/năm

+ Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non: 57 triệu đồng/biên chế tại các phường/năm, 65 triệu đồng/biên chế tại các xã/năm

+ Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục cấp 1 và 2: 35 triệu đồng/biên chế tại các phường/năm, 40 triệu đồng/biên chế tại các xã/năm.

+ Đối với viên chức tại trường chính trị và đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo chi thường xuyên khác: 50 triệu đồng/biên chế/năm.

- Bổ sung thêm kinh phí khoán chi hoạt động thường xuyên cho các biên chế chưa tuyển: 66 triệu đồng/biên chế chưa tuyển/năm (để tăng nguồn cho các đơn vị chi tăng giờ và các phúc lợi cơ quan khác).

2. Chế độ đối với lực lượng không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở cấp ấp: Thực hiện theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai (trước sắp xếp)

Hồ sơ: Phụ lục 02, theo bảng chi phụ cấp tháng 8 của các đơn vị dự toán.

3. Chế độ đối với lực lượng dân quân: Thực hiện theo Nghị quyết số Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước (đối với xã, phường thuộc tỉnh Bình Phước trước sắp xếp); Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (đối với xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai trước sắp xếp); Nghị định số 16/2025/NĐ-CP.

Hồ sơ: Phụ lục 03 đính kèm, bảng chi chế độ tháng 8 đính kèm.

4. Chế độ đối với lực lượng an ninh cơ sở: Đối với các xã, phường thuộc tỉnh Bình Phước (trước sắp xếp), thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước; đối với các xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai (trước sắp xếp), thực hiện theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

Hồ sơ: Phụ lục 04 đính kèm, đính kèm bảng chi chế độ tháng 8.

5. Các chính sách chế độ: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025; Chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán; Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC; Chế độ hỗ trợ đối với giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định số 113/2015/NĐ-CP; Chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên; Chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP; Chế độ hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo ; Chế độ người có uy tín, già làng theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước (đối với xã, phường thuộc tỉnh Bình Phước trước sắp xếp) và Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 (sửa đổi tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024) của HĐND tỉnh Đồng Nai (đối với xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai trước sắp xếp); Chế độ đối với người cao tuổi theo Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai (đối với xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai trước sắp xếp) và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước (đối với xã, phường thuộc tỉnh Bình Phước trước sắp xếp).

Hồ sơ: Phụ lục 05-14 đính kèm, hồ sơ thực chi trợ cấp xã hội tháng 8.

6. Kinh phí xúc, vận chuyển, xử lý rác thải.

Hồ sơ: Phụ lục 15 đính kèm, hợp đồng ký kết, hồ sơ thực chi tháng 7-8-9
(biên bản xác nhận khối lượng, biên bản nghiệm thu,...)

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu VT, NSNN.
- Phúc

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Trần Anh Tú